UBND TỈNH NINH THUẬN **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4011 /KL-STC	*Ninh Thuận, ngày 05 tháng 11 năm 2021*

KẾT LUẬN THANH TRA
Tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn thu hoạt động sự nghiệp tại Ban quản lý Di tích tỉnh Ninh Thuận.

Thực hiện Quyết định số 69/QĐ-STC ngày 04/6/2021 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn thu từ phí tham quan và các nguồn thu khác tại Ban Quản lý di tích tỉnh Ninh Thuận.

Xét Báo cáo Kết quả thanh tra số 57/BC-ĐTT ngày 29/10/2021 của Đoàn Thanh tra về việc Báo cáo kết quả thanh tra công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn thu từ phí tham quan và các nguồn thu khác tại Ban Quản lý di tích tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo giải trình ngày 10/9/2021 của Ban Quản lý di tích tỉnh, Biên bản làm việc tại Ban quản lý Di tích ngày 06/10/2021;

Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm tình hình:

Ban Quản lý di tích tỉnh Ninh Thuận (gọi tắt là Ban quản lý) trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh được thành lập theo Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh. Đến tháng 5/2021, thực hiện Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý di tích tỉnh và Bảo tàng tỉnh được hợp nhất và lấy tên Bảo tàng tỉnh.

Ban Quản lý di tích (trước đây) thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 298/QĐ-SVHTTDL ngày 05/12/2016 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận, thực hiện chức năng tổ chức các hoạt động bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị các di tích quan trọng trên địa bàn tỉnh được giao trực tiếp quản lý gồm tháp PôklongGarai, tháp Pôrômê, tháp Hòa Lai và bẫy đá Pi Năng Tắc.

Ban Quản lý di tích là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên theo Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2018-2020 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch; có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại ngân hàng, kho bạc để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Về cơ cấu tổ chức: Ban Quản lý di tích có Trưởng ban và 01 phó ban. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm có 02 phòng: phòng Hành chính - Tổng hợp, phòng Nghiệp vụ.

Về chỉ tiêu biên chế của Ban quản lý do UBND tỉnh quyết định phân bổ hàng năm trên cơ sở Đề án xác định vị trí việc làm gắn với chức năng nhiệm vụ, phạm vi

hoạt động được cấp thẩm quyền phê duyệt. Đến thời điểm thanh tra, tổng viên chức và người lao động là 13 người, trong đó có 5 biên chế và 8 hợp đồng.

Trụ sở hiện nay được đặt tại Bảo tàng tỉnh, đường 16 tháng 4, thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

2. Các chế độ chính sách về tài chính:

- Ban quản lý di tích áp dụng chế độ tài chính, tổ chức công tác kế toán, thống kê và báo cáo quyết toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính;

- Nguồn thu hoạt động chủ yếu từ phí tham quan và cho thuê mặt bằng;

- Mức thu, quản lý, sử dụng phí tham quan thực hiện theo Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích tháp Pô Klong Garai, tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận;

- Các khoản thu khác thực hiện theo quy định về nguồn thu đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. Số liệu quyết toán các năm:

1. Nguồn thu phí tham quan

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	5 tháng đầu năm 2021
1	Năm trước chưa nộp KB	0	75.797.000	130.230.000	30.510.000
2	Số thực thu trog năm	1.955.739.000	2.149.691.000	1.437.820.000	612.640.000
3	Số nộp vào KBNN	1.879.942.000	2.095.258.000	1.537.540.000	643.420.000
4	Số chưa nộp KB	75.797.000	130.230.000	30.510.000	- 270.000

Số tiền thu phí tham quan nộp vào kho bạc thừa 270.000 đồng.

2. Số chi hoạt động từ nguồn thu phí được để lại (90%)

Trong năm đơn vị chưa nộp đủ số phí thu được vào kho bạc nhà nước, do đó chưa xác định số được trích lại để chi hoạt động; căn cứ vào các chứng từ phát sinh tại kho bạc. Qua thanh tra, Đoàn tính lại số liệu như sau:

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	5 tháng đầu năm 2021
1	Số dư năm trước cs	574.156.642	517.047.662	235.047.858	55.011.314
2	Số phí được để lại trong năm	1.760.165.100	1.934.721.900	1.294.038.000	551.376.000

3	Số được sử dụng	2.334.321.742	2.451.769.562	1.529.085.858	606.387.314
4	Số đã sử dụng	1.817.274.080	2.216.721.704	1.474.074.544	604.919.197
5	Số còn lại cuối năm	517.047.662	235.047.858	55.011.314	1.468.117

3. Số chi hoạt động từ nguồn thu khác

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	5 tháng đầu năm 2021
1	**Số dư NT ch.sang**	**33.034.526**	**56.711.810**	**75.267.286**	**39.258.594**
2	**Số thu trong năm**	**209.996.600**	**265.328.400**	**150.044.400**	**43.044.000**
a	Doanh thu cho thuê	78.270.000	95.420.000	93.645.000	31.180.000
	- D. thu trước thuế	71.154.545	86.745.455	85.131.818	28.345.455
	- Thuế GTGT 10%	7.115.455	8.674.545	8.513.182	2.834.545
b	Thu thùng phước	88.368.000	104.842.500	56.304.000	11.863.000
c	Thu lãi TGNH	68.600	65.900	95.400	1.000
d	Thu tạm ứng, thu hoàn trả nguồn NT	43.290.000	65.000.000	/	/
3	**Số được SD trg năm**	**243.031.126**	**322.040.210**	**225.311.686**	**82.302.594**
4	**Số đã sử dụng**	**186.319.316**	**246.772.924**	**186.053.092**	**71.217.292**
5	**Số còn chuyển NS**	**56.711.810**	**75.267.286**	**39.258.594**	**11.085.302**

Sau khi Đoàn thanh tra xác định lại, đến thời điểm ngày 19/5/2021, nguồn phí được để lại (90%) còn tồn 1.468.117 đồng, nguồn thu khác còn tồn 11.085.302 đồng.

(Chi tiết các khoản thu, chi kèm theo phụ lục số 01)

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ NSNN

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	5 tháng đầu năm 2021
I	**Phí tham quan 10%**				
1	Năm trước chưa nộp	33.609.000	15.347.100	16.795.000	3.030.900
2	Số phải nộp trg năm	195.573.900	214.969.100	143.782.000	61.264.000
3	Số đã nộp trong năm	213.835.800	213.521.200	157.546.100	64.342.000
4	Số còn phải nộp	15.347.100	16.795.000	3.030.900	- 47.100
II	**Thuế GTGT**				
1	Năm trước ch. sang	/	5.154.955	11.554.800	9.251.013
2	Số phải nộp trg năm	7.115.455	8.674.545	8.513.182	2.834.545
3	Số đã nộp trong năm	1.960.500	2.274.700	10.816.969	3.227.286
4	Số còn phải nộp	5.154.955	11.554.800	9.251.013	8.858.272

III	**Thuế Thu nhập DN**				
1	Doanh thu tính thuế TNDN	71.154.545	86.745.454	85.131.818	28.345.455
2	Số thuế phải nộp (5% x DT)	3.557.727	4.337.273	4.256.591	1.417.273

II. Kết quả thanh tra (Phụ lục 01)

1. Đối với nguồn thu phí tham quan:

Qua kiểm tra chứng từ chi và đối chiếu phát sinh tại kho bạc, sổ quỹ tiền mặt cho thấy một số khoản chi không đúng quy định về hóa đơn, chứng từ, thiếu chứng từ gốc (không có giấy đề xuất, giấy đề nghị thanh toán, thanh toán tiền điện, tiền nước ... không có hóa đơn). Cụ thể:

- Ban Quản lý không đưa vào báo cáo tài chính năm 2019 một số khoản đã quyết toán chi số tiền 461.478.575 đồng, cụ thể: công trình xây dựng nhà vệ sinh 265.728.575 đồng, chi phí sửa chữa Tháp 97.700.000 đồng, chi phí phục dựng các mô hình văn hóa Chăm 98.050.000 đồng và một số khoản chi khác;

- Thu phí tham quan năm 2020 chưa phản ánh đầy đủ, cụ thể số tiền thực thu theo biên lai lớn hơn số tiền nộp vào sổ quỹ tiền mặt, chênh lệch số tiền là 30.930.000 đồng;

- Năm 2021 (đến ngày 19/5/2021) nộp thừa vào NSNN từ nguồn thu phí tham quan số tiền 270.000 đồng (năm 2020 nộp thừa 420.000đ, năm 2021 nộp thiếu 150.000đ);

- Việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh không đúng nguồn, cụ thể: chứng từ chi mua vật tư số tiền 1.456.000đ (năm 2019) từ nguồn thu khác nhưng phản ánh vào nguồn thu phí; không phát sinh chi tiền nước số tiền 1.599.055đ (tháng 12/2019) nhưng phản ánh vào chứng từ ghi sổ.

- Đối với chi công tác phí, căn cứ quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 có nêu: *"Đối với cán bộ, công chức, viên chức ... tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bằng 0,15 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác ..."* . Đơn vị chi thanh toán công tác phí trong tỉnh (cả 02 lượt đi và về) là không đúng theo quy định nêu trên.

Tổng hợp chứng từ chi không đủ điều kiện thanh toán như thiếu hóa đơn GTGT, thiếu chứng từ gốc, chi không đúng quy định....tổng số tiền 8.869.000 đồng (kèm phụ lục số 02).

2. Đối với hoạt động từ nguồn thu khác:

a) Nguồn thu từ cho thuê mặt bằng:

* Năm 2018:

Ban Quản lý chưa thực hiện tốt việc theo dõi nguồn thu từ hoạt động cho thuê mặt bằng từng năm như: không phản ánh đầy đủ nguồn thu vào sổ sách kế toán (thu tiền mặt, thu chuyển khoản), chưa thực hiện tốt việc xuất hóa đơn cho bên thuê, chi

tạm ứng không theo dõi, chi mượn nguồn..., dẫn đến tình trạng mất kiểm soát thu chi. Cụ thể:

*Từ năm 2018 đến năm 2020 Ban quản lý ghi nhận doanh thu là 236.535.000 đồng, so với giá trị hợp đồng đã ký cho thuê mặt bằng số tiền 277.460.000 đồng. Theo báo cáo giải trình, thu không đạt là do một số gian hàng không hoạt động vì dịch bệnh không có khách tham quan, mặt khác Ban quản lý cũng đã miễn giảm số tháng/năm theo hợp đồng (đã trừ 3 tháng miễn giảm do dịch Covid). Gồm 02 gian hàng Vang - nho không đóng 7 tháng số tiền 14.000.000đ (2*7 tháng*1.000.000đ/gian hàng/tháng) và gian hàng làng nghề Chăm miễn không đóng 8 tháng số tiền 12.000.000đ (1.500.000đ * 8 tháng).

Qua kiểm tra chứng từ cho thấy Ban quản lý chưa phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, cụ thể: năm 2018 chưa ghi nhận doanh thu, số tiền 3.500.000đ thu mặt bằng năm 2017; ngoài ra, một số khoản thu từ mặt bằng nhưng không có hợp đồng (theo báo cáo giải trình là thu hỗ trợ từ các mặt bằng trưng bày gốm, vang nho ...)

* 5 tháng đầu năm 2021 (đến 19/5/2021): Tổng thu cho thuê mặt bằng số tiền 49.240.000đ. Trong đó, doanh thu 2020 nộp năm 2021 là 18.060.000đ, doanh thu 05 tháng đầu năm 2021 là 31.180.000đ/ 30.270.000đ (giá trị theo hợp đồng). Chênh lệch thu nhiều hơn so với hợp đồng là 910.000đ.

- Không hạch toán theo dõi chi phí quản lý tài khoản tại ngân hàng qua các năm; không ghi nhận khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng số tiền 230.900 đồng là chưa đúng quy định;

- Đoàn thanh tra xác định một số khoản chi không đủ điều kiện thanh toán từ nguồn thu khác từ năm 2018 đến tháng 5/2021, số tiền 12.625.000 đồng (Chi tiết kèm phụ lục 02).

b) Nguồn thu từ thùng phước:

Ban Quản lý được giao chức năng tổ chức các hoạt động bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị các di tích quan trọng trên địa bàn tỉnh, trực tiếp quản lý tháp PôklongGarai, tháp Pôrômê, tháp Hòa Lai và bẫy đá Pi Năng Tắc. Tại tháp PôklongGarai khách du lịch đến tham quan có cúng tháp bằng tiền thông qua thùng phước đặt tại tháp. Để quản lý và sử dụng đúng ý nghĩa nguồn thu từ thùng phước, Ban quản lý đã xây dựng quy chế quản lý và sử dụng nguồn thu từ thùng phước tại Quyết định số 43/QĐ-BQLDT ngày 05/4/2017. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ kế toán cho thấy:

- Năm 2019, Phiếu thu 10-12/2019 từ nguồn thu thùng phước không có biên bản kèm theo số tiền 13.456.000 đồng;

- Năm 2020, số tiền trên phiếu thu và số tiền trên biên bản mở thùng phước không trùng khớp (Phiếu thu số 22 ngày 19/8/2020 và 38 ngày 11/12/2020);

- Không thực hiện việc quyết toán nguồn thu này vào báo cáo hàng năm, không hạch toán theo dõi riêng nguồn thùng phước mà nhập chung vào nguồn thu cho thuê mặt bằng để chi các hoạt động chung, cụ thể: chi thưởng, chi công tác phí, chi trang phục, chi vật tư, điện nước, chi nộp thuế... Qua thanh tra, loại trừ các khoản

chi không đúng nguồn, xác định số dư nguồn thùng phước còn tồn đến ngày 29/4/2021 là 152.611.357 đồng (kèm phụ lục số 01, 03). Theo nội dung giải trình, do dịch bệnh kéo dài nên việc thu cho thuê mặt bằng không đủ trang trãi các chi phí nên đơn vị đã sử dụng nguồn thùng phước để chi các hoạt động nêu trên.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ NSNN:

- Đối với hoạt động thu phí: đến ngày 19/5/2021, đã nộp thừa số phí 10% vào NSNN số tiền 47.100 đồng;

- Đối với nguồn thu mặt bằng:

+ Số thuế GTGT còn phải nộp bổ sung từ hoạt động cho thuê mặt bằng là 8.858.272 đồng;

+ Số thuế TNDN phải kê khai nộp thuế theo quy định tại khoản 5, Điều 3, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 số tiền 13.568.864 đồng (271.377.272đ *5%).

4.Việc trích lập và sử dụng các quỹ:

Căn cứ theo quy định tại Khoản 3, Điều 13, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập: "*Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:*

- Trích tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập: tối đa không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định..."

- Năm 2019, trích lập các quỹ số tiền 205.726.872 đồng (gồm quỹ khen thưởng 30.859.031đ, quỹ phúc lợi 30.859.031đ, quỹ bổ sung thu nhập 92.577.092đ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 51.431.718đ) là không có cơ sở, vì báo cáo tài chính chưa phản ánh hết tất cả các nguồn kinh phí. Do đó, việc xác định chênh lệch thu-chi trong năm không chính xác dẫn đến tổng số tiền còn lại cuối năm không đủ để trích lập các quỹ nêu trên.

Từ việc không xác định được kết quả hoạt động tài chính trong năm, Ban quản lý đã chi thu nhập tăng thêm cho viên chức và người lao động số tiền 41.800.000đ (năm 2019) và chi thưởng Tết nguyên đán số tiền 27.000.000đ (năm 2020) cho viên chức và người lao động từ nguồn thùng phước không đúng theo quy chế của Ban Quản lý đã xây dựng.

- Năm 2020, Ban quản lý chi thu nhập tăng thêm số tiền 92.577.092đ từ nguồn thu phí được để lại khi chưa trích 25% Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp là không đúng theo quy định nêu trên.

5. Việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính:

- Đối với quy chế chi tiêu nội bộ, Ban quản lý có xây dựng quy chế chi tiêu tài chính, mua sắm và sử dụng tài sản làm cơ sở để chi hoạt động, tuy nhiên qua kiểm

tra một số khoản chi chưa thực hiện đúng theo quy chế đã xây dựng (như chi hỗ trợ xăng xe đi công tác, chi trích lập quỹ...)

- Đối với quy chế quản lý và sử dụng nguồn thu từ thùng phước, Ban quản lý xây dựng nội dung định kỳ xác lập biên bản mở thùng có sự chứng kiến của các bộ phận liên quan để xác định số tiền thu được. Tuy nhiên, qua kiểm tra chứng từ cho thấy, Ban quản lý sử dụng nguồn thu từ thùng phước để chi các hoạt động khác (như chi thưởng, chi công tác phí, chi trang phục, chi vật tư, điện nước, chi nộp thuế, chi thu nhập tăng thêm...) là không đúng theo quy định vì đây là khoản tiền ủng hộ nhằm mục đích tâm linh tại Tháp, không phải là một nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

- Ban Quản lý có thực hiện việc báo cáo công khai tài chính việc thu chi các nguồn theo định kỳ hàng quý, nhưng số liệu báo cáo không chính xác.

6. Việc quản lý tài chính, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán:

a) Đối với chứng từ kế toán, sổ sách kế toán:

- Đối với biên lai thu phí có mệnh giá, căn cứ theo quy định tại Điều 27, Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ: *"Hàng quý, tổ chức, hộ, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ (trừ đối tượng được cơ quan thuế cấp hóa đơn) có trách nhiệm nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp, kể cả trường hợp trong kỳ không sử dụng hóa đơn.."*.

Tuy nhiên biên lai ký hiệu AA/19P từ số 20.001- 40.000 (20.000 vé) có mệnh giá 15.000 đồng, Ban quản lý Di tích đã xé bỏ do điều chỉnh tăng giá theo quy định của UBND tỉnh nhưng chưa đưa vào báo cáo theo quy định nêu trên.

- Đối với hóa đơn bán hàng, cung cấp dịch vụ thiếu số tiền bằng chữ, không có chữ ký người bán, người mua... là không đúng theo quy định về hóa đơn bán hàng tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 4 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về nội dung bắt buộc trên hóa đơn đã lập;

- Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 về bảo quản lưu trữ tài liệu kế toán, Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán: *"Điều 8: Loại tài liệu kế toán phải lưu trữ bao gồm:*

1. Chứng từ kế toán.

2. Sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp...

Điều 9. Bảo quản, lưu trữ và cung cấp thông tin, tài liệu kế toán

Tài liệu kế toán phải được đơn vị kế toán bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng. Đơn vị kế toán phải xây dựng quy chế về quản lý, sử dụng, bảo quản tài liệu kế toán trong đó quy định rõ trách nhiệm và quyền đối với từng bộ phận và từng người làm kế toán.... Tài liệu kế toán đưa vào lưu trữ phải đầy đủ, có hệ thống, phải phân loại, sắp xếp thành từng bộ hồ sơ riêng theo thứ tự thời gian phát sinh và theo kỳ kế toán năm"

Việc Ban quản lý không in đầy đủ các loại sổ sách kế toán, làm thất lạc hóa đơn GTGT, không ký xác nhận số liệu và đưa vào lưu trữ là không đúng theo quy định nêu trên.

b) Công tác quản lý tài chính, quyết toán các nguồn thu:

- Qua thanh tra nhận thấy có số tiền 108.290.000 đồng nộp vào ngân hàng không rõ nguồn gốc trong 2 năm 2018 (43.290.000đ), năm 2019 (65.000.000đ).

Theo báo cáo giải trình:

+ Số tiền 43.290.000đ , trong đó: 35.000.000đ nộp hoàn ứng làm sân khấu và 7.590.000đ nộp hoàn ứng tiền mua dù phát sinh từ cuối năm 2017 và 700.000đ hoàn trả tiền nộp phạt đóng Thuế. Tuy nhiên, đối với số tiền 700.000đ, qua kiểm tra Thông báo của cơ quan thuế không có nội dung này.

+ Số tiền 65.000.000đ, trong đó: ứng nộp tiền học lớp di sản viên hạng II và hạng III tại TpHCM: 22.800.000đ; cá nhân ứng để chi phí đi học như tiền ăn, ở, vé xe đi lại 9.333.158đ; ứng mua vải dù bạt: 5.405.000đ và nộp hoàn trả tiền nộp thuế nhầm: 27.461.842đ trong năm 2018. Tuy nhiên, qua kiểm tra Ban quản lý không bổ sung được chứng từ gốc đối với khoản chi phí đi học số tiền 9.333.158đ.

- Đối với việc quyết toán các nguồn thu trên báo cáo tài chính, không phản ánh đúng số liệu thực tế phát sinh, cụ thể như sau:

Nội dung	Số đơn vị đề nghị quyết toán	Số chi thực tế phát sinh	Chênh lệch
1. Nguồn thu phí			
- Năm 2018	1.763.631.085	1.817.274.080	53.642.995
- Năm 2019	1.719.623.501	2.216.721.704	497.098.203
- Năm 2020	1.380.446.717	1.474.074.544	93.627.827
2. Nguồn thu khác			
- Năm 2018	82.409.736	186.319.316	103.909.580
- Năm 2019	144.216.139	246.772.924	102.556.785
- Năm 2020	93.358.220	186.053.092	92.694.872

Qua báo cáo giải trình của đơn vị, nguyên nhân của chênh lệch trên là do Ban quản lý không đưa vào báo cáo tài chính các khoản chi đã quyết toán gồm: công trình xây dựng nhà vệ sinh 265.728.575 đồng, chi phí sửa chữa Tháp 97.700.000, chi phí phục dựng các mô hình văn hóa Chăm 98.050.000 đồng và một số khoản chi khác.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 6, Luật kế toán 2015 ngày 20/11/2015: "*Đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh*", như vậy Ban quản lý Di tích đã không tuân thủ theo quy định về nguyên tắc kế toán của Luật Kế toán năm 2015.

Ngoài ra, cuối năm không kiểm kê quỹ tiền mặt, số dư cuối kỳ trên sổ theo dõi tiền gửi (tại ngân hàng, kho bạc) không khớp đúng với số dư cuối kỳ đã được ngân hàng, kho bạc xác nhận, dẫn đến có sự chênh lệch rất lớn giữa sổ quỹ tiền mặt và sổ theo dõi tiền gửi tại Ban quản lý so với số dư tại ngân hàng, kho bạc. Cụ thể:

*** Năm 2018:**

- Nguồn thu phí: Số dư tiền mặt cuối năm 2018 là 1.691.017 đồng, qua kiểm tra nội dung thu, chi và đối chiếu chứng từ thực tế trên sổ quỹ tiền mặt cho thấy đơn vị chi nộp kho bạc số tiền 1.955.739.000 đồng, nhưng thực tế, chỉ nộp vào kho bạc số tiền 1.879.942.000 đồng, số còn chưa nộp là 75.797.000 đồng (đã nộp trong năm 2019);

- Nguồn thu khác: Số liệu tồn quỹ trên sổ quỹ tiền mặt đến 31/12/2017 là 3.540.300 đồng, trong năm 2018 nộp tiền mặt vào ngân hàng số tiền 20.892.500 đồng (tiền cho thuê mặt bằng từ tháng 10-12/2017:14.040.000đ, tiền thùng phước 6.852.500đ), không phản ánh vào sổ quỹ tiền mặt 2018. Như vậy, số tiền mặt còn tồn quỹ đến cuối năm 2017 phản ánh thiếu 17.352.200 đồng. Ngoài ra, trong năm 2018, chi tiền mặt nộp vào ngân hàng số tiền 157.481.500 đồng, nhưng thực tế qua kiểm tra chứng từ, chỉ nộp vào ngân hàng số tiền 133.220.500 đồng, số còn chưa nộp là 24.261.000 đồng (đã nộp trong năm 2019);

Từ việc đã viết phiếu chi tiền mặt nộp vào ngân hàng, kho bạc nhưng không nộp dẫn đến tồn quỹ tiền mặt cuối năm 2018 chênh lệch số tiền 100.058.000 đồng;

- Thiếu chứng từ (UNC) nộp phí 10% vào NSNN số tiền 11.556.900 đồng (18/4/2018); không phản ánh các khoản chi tạm ứng số tiền 70.795.000 (2017:42.590.000đ; 2018: 28.205.000đ);

- Tiền gửi Kho bạc, ngân hàng: Số dư trên báo cáo tài chính đầu năm tại đơn vị cao hơn số dư thực tế tại NH, KB số tiền 13.946.536 đồng; số dư cuối năm trên báo cáo tài chính cao hơn số tiền 79.648.688 đồng;

*** Năm 2019:**

- Tiền mặt tồn quỹ đến 31/12/2019 là 141.872.517đ. Trong đó, nguồn phí: 102.321.017đ, nguồn thu khác: 39.551.500đ nhưng trên báo cáo tài chính là 142.689.118 đồng, thừa 816.601 đồng (nguồn phí);

- Khoản chi thưởng thành tích, chi làm thêm giờ, chi thu nhập tăng thêm năm 2018 số tiền 43.375.836 đồng, đã chi chuyển khoản (UNC ngày 21/01/2019) nhưng vẫn viết thêm 3 phiếu chi số 10,11,12 ngày 22/01/20119 (nhưng thực tế không chi) là không đúng về nguyên tắc kế toán;

*** Năm 2020:**

- Số dư tiền mặt cuối năm trên sổ quỹ là 3.149.399 đồng, nhưng không còn số dư trên báo cáo tài chính;

- Phản ánh số dư tiền gửi cuối năm 2020 trên báo cáo tài chính cao hơn số dư thực tế tại NH, KB số tiền 79.835 đồng (43.058.244đ - 42.978.409đ).

*** Năm 2021:**

Kết quả thanh tra cho thấy, số tiền còn lại trước thời điểm sáp nhập vào Bảo tàng tỉnh là 12.553.419 đồng (nguồn phí: 1.468.117đ, nguồn thu khác: 11.085.302đ); tuy nhiên, tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc không còn số dư và số dư còn lại ở ngân hàng tại thời điểm 12/5/2021 là 7.023.920 đồng và không phát sinh đến ngày 19/5/2021. Như vậy chênh lệch thiếu là 5.529.499 đồng.

* **Đối với nguồn thu từ thùng phước**: Phiếu thu từ tháng 10-12/2019 số tiền 13.456.000 đồng không có biên bản mở thùng phước kèm theo; Phiếu thu số 22 ngày 19/8/2020 và số 38 ngày 11/12/2020 số tiền trên phiếu thu và số tiền trên biên bản mở thùng phước không trùng khớp.

7. Đối với việc quản lý, sử dụng tài sản:

- Ban quản lý sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, là chưa đúng theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Năm 2020, được UBND tỉnh phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại Ban Quản lý di tích tại Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 25/3/2020.

- Hàng năm, Ban quản lý có lập Biên bản kiểm kê tài sản, nhưng không có sổ theo dõi tài sản theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Do không mở sổ theo dõi tài sản nên không biết giá trị tài sản cố định (mặt bằng đưa vào cho thuê) đã tính đủ hao mòn hoặc đã khấu hao hết giá trị chưa theo quy định tại điểm đ, khoản 3, Điều 12 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, để trích khấu hao tài sản cố định tạo nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 45/2018/TT-BTC.

- Chưa theo dõi tài sản là giá trị quyền sử dụng đất, để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 100 và Điều 104; thực hiện quản lý hồ sơ tài sản đúng theo quy định tại Điều 129 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Chưa xác lập Biên bản bàn giao tài sản và công cụ dụng cụ khi sáp nhập vào Bảo tàng tỉnh.

C. KẾT LUẬN

I. Ưu điểm:

Ban quản lý di tích là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Quyết định của UBND tỉnh; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 298/QĐ-SVHTTDL ngày 05/12/2016 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Ban quản lý di tích thực hiện chức năng tổ chức các hoạt động bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị các di tích quan trọng trên địa bàn tỉnh, qua đó giới thiệu cho du khách trong và ngoài nước tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, con người Việt Nam và tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và tự trang trãi chi phí hoạt động.

Từ năm 2020 đến nay do tình hình dịch bệnh phức tạp, kéo dài, hoạt động tham quan du lịch bị đóng cửa đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn thu của đơn vị. Tuy nhiên, lãnh đạo đơn vị vẫn cố gắng duy trì hoạt động, hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

II. Những mặt còn tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thời gian qua, công tác quản lý tài chính, kế toán của Ban quản lý di tích vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần khắc phục, sai phạm cần chấn chỉnh, kiến nghị xử lý. Cụ thể như sau:

1. Đối với hoạt động thu phí tham quan:

- Năm 2018, thiếu chứng từ (UNC) nộp phí 10% vào NSNN số tiền 11.556.900 đồng (18/4/2018);

- Năm 2019 một số khoản đã quyết toán chi nhưng không đưa vào báo cáo tài chính, số tiền 461.478.575 đồng;

- Năm 2020, phản ánh vào sổ quỹ tiền mặt thiếu số tiền 30.930.000 đồng;

- Năm 2021, nộp thừa vào tài khoản thu phí 270.000 đồng;

- Một số chứng từ thanh toán không đúng quy định số tiền 8.869.000 đồng (kèm phụ lục số 02)

2. Đối với nguồn thu khác

a) Nguồn thu từ cho thuê mặt bằng:

- Đơn vị chưa theo dõi chặt chẽ việc cho thuê mặt bằng dẫn đến việc phản ánh doanh thu chênh lệch (thừa hoặc thiếu) so với hợp đồng cho thuê qua các năm;

- Không hạch toán theo dõi chi phí quản lý tài khoản tại ngân hàng, không ghi nhận khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng số tiền 230.900 đồng;

- Một số khoản chi không đúng chế độ, chứng từ thanh toán không đúng quy định, số tiền 12.625.800 đồng (kèm phụ lục 02).

b) Nguồn thu từ thùng phước:

Sử dụng nguồn thu từ thùng phước để chi các hoạt động của đơn vị không đúng với quy chế đã xây dựng số tiền 152.611.357 đồng. Trong đó:

+ Chi hoạt động thường xuyên của đơn vị, chi khen thưởng số tiền 83.811.357đ;

+ Chi thu nhập tăng thêm cho viên chức và người lao động số tiền 41.800.000đ (năm 2019) và chi thưởng Tết nguyên đán số tiền 27.000.000đ (năm 2020).

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ NSNN:

- Đối với hoạt động thu phí, đơn vị nộp thừa số phí 10% vào NSNN số tiền 47.100 đồng;

- Đối với nguồn thu mặt bằng:

+ Số thuế GTGT đơn vị còn phải nộp bổ sung từ hoạt động cho thuê mặt bằng là 8.858.272 đồng;

+ Số thuế TNDN đơn vị phải kê khai nộp thuế theo quy định tại khoản 5, Điều 3, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính số tiền 13.568.864 đồng (271.377.272đ *5%).

4. Việc trích lập và sử dụng các quỹ:

- Năm 2019, Ban quản lý trích lập các quỹ số tiền 205.726.872 đồng khi cuối năm không xác định được kết quả hoạt động tài chính là không đúng theo quy định tại Khoản 3, Điều 13, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Năm 2020, chi thu nhập tăng thêm số tiền 92.577.092 đồng từ nguồn thu phí được để lại khi chưa trích 25% Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp là không đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng và quy định tại Khoản 3, Điều 13, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

5. Việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

- Đối với quy chế chi tiêu nội bộ, chưa thực hiện theo đúng quy chế đã xây dựng đối với khoản chi công tác phí, chi trích lập các quỹ;

- Đối với quy chế quản lý và sử dụng nguồn thu từ thùng phước, Ban quản lý có xây dựng nội dung chi. Tuy nhiên, đơn vị sử dụng nguồn thu này để chi các hoạt động (như chi thưởng, chi công tác phí, chi trang phục, chi vật tư, điện nước, chi nộp thuế, chi thu nhập tăng thêm...) là không đúng theo quy định vì đây là khoản tiền ủng hộ nhằm mục đích tâm linh tại Tháp, không phải là một nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

6. Việc quản lý tài chính, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán, công khai tài chính:

a) Đối với chứng từ kế toán, sổ sách kế toán:

- Đối với biên lai thu phí có mệnh giá đã xé bỏ nhưng chưa đưa vào báo cáo là chưa đúng theo quy định tại Điều 27, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

- Đối với hóa đơn bán hàng, cung cấp dịch vụ thiếu các nội dung bắt buộc trên hóa đơn lập đã lập (như số tiền bằng chữ, không có chữ ký người bán, người mua...) là không đúng theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 4 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014;

- Không in đầy đủ các loại sổ sách kế toán, làm thất lạc hóa đơn GTGT, không ký xác nhận số liệu và đưa vào lưu trữ, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 về bảo quản lưu trữ tài liệu kế toán Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán.

b) Công tác quản lý tài chính, quyết toán các nguồn thu:

- Đối với các khoản nộp hoàn ứng số tiền 10.033.158 đồng (gồm năm 2018: 700.000đ, năm 2019: 9.333.158đ), Ban quản lý không cung cấp được hồ sơ chứng từ

liên quan đến quá trình ứng và hoàn ứng. Do đó, đây được xem như một khoản thu không rõ nguồn.

- Đối với việc Ban quản lý Di tích không đưa vào báo cáo tài chính để quyết toán hết tất cả các nguồn kinh phí là không tuân thủ quy định về nguyên tắc kế toán theo quy định tại khoản 3, Điều 6 của Luật Kế toán năm 2015.

7. Đối với việc quản lý, sử dụng tài sản:

- Không mở sổ theo dõi tài sản theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

- Đối với tài sản là giá trị quyền sử dụng đất chưa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Quản lý tài sản công.

- Chưa xác lập Biên bản bàn giao tài sản và công cụ dụng cụ khi sáp nhập vào Bảo tàng tỉnh.

III. Nguyên nhân, trách nhiệm:

1. Về nguyên nhân:

Việc để xảy ra nhiều hạn chế, sai phạm trong công tác quản lý tài chính tại Ban quản lý Di tích nêu trên nguyên nhân chính là do kế toán của đơn vị yếu kém về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ dẫn đến vi phạm các quy định về nguyên tắc, tính trung thực trong hoạt động kế toán. Ngoài ra, thiếu sự quan tâm, chỉ đạo, kiểm tra của lãnh đạo Ban quản lý Di tích trong công tác quản lý tài chính; chứng từ, sổ sách chưa đảm bảo quy định nhưng vẫn ký duyệt.

Bên cạnh đó, còn có trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với công tác xét duyệt quyết toán hàng năm. Cụ thể:

- Năm 2018 và năm 2020, Sở chủ quản có xét duyệt quyết toán nhưng không thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị trực thuộc là không đúng theo quy định tại khoản 3, Điều 6, Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

- Năm 2019, Sở chủ quản có xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt cho Ban quản lý Di tích. Tuy nhiên, số liệu quyết toán chi từ nguồn thu phí và thu chi nguồn thu khác không đúng với số liệu thực tế phát sinh tại đơn vị.

2. Về trách nhiệm:

- Ban quản lý Di tích xảy ra những vi phạm, hạn chế nêu trên trách nhiệm trước hết thuộc về lãnh đạo, thiếu sự quan tâm đến công tác tài chính, kế toán của đơn vị, bố trí người không đủ trình độ và năng lực chuyên môn làm công tác kế toán;

- Kế toán của đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ, để xảy ra nhiều sai sót trong công tác quản lý các nguồn thu, các khoản chi, công tác hạch toán kế toán, sổ sách, chứng từ kế toán…không đúng theo quy định của Luật kế toán.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa làm hết trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng quản lý của mình theo quy định tại khoản 3, Điều 10, Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm, dẫn đến việc không phát hiện chấn chỉnh kịp thời, để các sai phạm nêu trên kéo dài nhiều năm.

D. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Đối với Ban Quản lý di tích tỉnh:

1. Kiến nghị xử lý về tài chính:

Thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 51.770.294 đồng, gồm các khoản sau:

- Khoản chi không đúng quy định số tiền: 19.310.000 đồng;

- Khoản nộp hoàn ứng không rõ nguồn số tiền: 10.033.158 đồng

- Thuế GTGT: 8.858.272 đồng;

- Thuế TNDN: 13.568.864 đồng.

2. Xử lý khác:

- Đề nghị nộp hoàn trả nguồn thu từ thùng phước số tiền chi không đúng nguồn 152.611.357 đồng;

- Đối với nguồn thu từ thùng phước, đây là khoản tiền ủng hộ nhằm mục đích tâm linh tại Tháp, không phải là một nguồn thu hoạt động sự nghiệp. Do đó, đề nghị Ban quản lý Di tích xây dựng lại quy chế chi tiêu thùng phước để sử dụng theo đúng mục đích, ý nghĩa của nguồn tiền ủng hộ. Đồng thời, hàng năm, thực hiện công khai và tổng hợp vào báo cáo tài chính trình cấp thẩm quyền theo quy định;

- Đề nghị thực hiện đúng theo quy định hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng đối với khoản chi công tác phí, trích lập quỹ...

- Đề nghị rà soát lại các khoản doanh thu chưa xuất hóa đơn, kê khai nộp thuế GTGT, thuế TNDN bổ sung đối với doanh thu từ cho thuê mặt bằng trong các năm qua và thực hiện theo quy định Luật thuế GTGT, Luật thuế TNDN hiện hành cho các năm về sau;

- Điều chỉnh, bổ sung số liệu trên báo cáo tài chính, trên cơ sở số liệu phải khớp đúng với phát sinh tại kho bạc, ngân hàng và các chứng từ liên quan;

- Đề nghị in các loại sổ sách kế toán theo quy định; khắc phục tình trạng hóa đơn, chứng từ không đầy đủ các thông tin bắt buộc theo quy định nhưng vẫn thanh toán; lưu trữ chứng từ khoa học tránh thất lạc, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu chứng từ trong thời hạn lưu trữ.

- Đối với tài sản (trừ tài sản đặc thù theo quy định tại Quyết định số 59/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh), thực hiện tính hao mòn và trích khấu hao quy định tại thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đối với số tiền trích khấu hao từ tài sản phục vụ hoạt động cho thuê;

- Đề nghị mở sổ theo dõi tài sản (tài sản hữu hình, tài sản vô hình, tài sản đặc thù...) theo quy định;

- Thực hiện việc khóa sổ kế toán năm 2021 đối với đơn vị là Ban quản lý Di tích đến hết ngày trước ngày có quyết định sáp nhập vào Bảo tàng tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Kế toán.

- Đề nghị kiểm điểm và xử lý trách nhiệm đối với kế toán Ban Quản lý; từ những tồn tại, hạn chế nêu trên đề nghị Ban quản lý thay đổi, bố trí người đủ năng lực chuyên môn để đảm nhận công tác kế toán.

II. Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Đề nghị kiểm điểm bộ phận Tài chính – Kế hoạch thuộc Sở Văn hóa, Thể thao & DL đối với việc xét duyệt quyết toán hàng năm tại Ban quản lý Di tích. Đồng thời, có giải pháp quản lý, kiểm tra để chấn chỉnh, khắc phục đối với việc xét duyệt quyết toán hàng năm của Ban quản lý Di tích (nay là Bảo tàng tỉnh) nói riêng và các đơn vị cấp dưới trực thuộc khác của ngành Văn hóa nói chung.

- Đề nghị kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với Lãnh đạo của Ban quản lý Di tích về những sai phạm trong thời gian qua;

- Đề nghị tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn công tác hạch toán kế toán tại Ban quản lý Di tích (nay là Bảo tàng tỉnh); quan tâm đến công tác kế toán của đơn vị, tuyển dụng người có trình độ chuyên môn, năng lực để làm công tác quản lý tài chính kế toán;

- Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo Ban quản lý Di tích (nay là Bảo tàng tỉnh) thực hiện nghiêm túc các nội dung sau khi Kết luận thanh tra được ban hành.

III. Công khai Kết luận thanh tra:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, đề nghị Ban quản lý Di tích thực hiện việc công khai Kết luận thanh tra này dưới hình thức niêm yết tại trụ sở của đơn vị theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra về Sở Tài chính (thông qua Thanh tra Sở) sau 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra.

Đối với các khoản sai phạm qua thanh tra phải nộp vào ngân sách nhà nước, thực hiện theo Quyết định của Giám đốc Sở Tài chính./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tài chính; b/c
- Thanh tra tỉnh Ninh Thuận;
- Sở Văn hóa, Thể thao và DL;
- BQL Di tích (Bảo tàng) tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu HSTT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH NINH THUẬN

Nguyễn Văn Nhựt